

NHỮNG HIỆN TƯỢNG MANG TÍNH QUY LUẬT VỀ NGỮ ÂM DÙNG ĐỂ XÁC ĐỊNH TỪ NGUYÊN TIẾNG VIỆT

LÊ TRUNG HOA*

Abstract: To identify the origin of the words, we can use the rules of sound internalization, sound ellipsis, sound loss, sound bias, epenthesis, contagion, sound borrowing, sound change, syllabification, phonetic change, assimilation, dissimilation, paronomasia, taboos, errors, Sino-Vietnamese imitation, Vietnamese imitation, westernization and modernizing jargons. These phenomena are important in the research on etymology.

Key words: *sound internalization, sound ellipsis, sound loss, sound bias, epenthesis, contagion, sound borrowing, sound change, syllabification, phonetic change, assimilation, dissimilation, paronomasia, taboos, errors, Sino-Vietnamese imitation, Vietnamese imitation, westernization and modernizing jargons, etc.*

1. Muốn xác định từ nguyên, ta có nhiều cách để đạt được mục đích. Một trong những cách đó là vận dụng các hiện tượng biến đổi về ngữ âm có tính quy luật để truy tìm nguồn gốc của từ.

2. Các hiện tượng đó là:

2.1. Nhập âm

Hai âm tiết đứng gần nhau, nhập thành một âm tiết.

<i>cha ôi</i> → <i>chao</i>	<i>chưa có</i> → <i>chưa</i>
<i>câu ấy</i> → <i>câu</i>	<i>nói mơ</i> → <i>mơ</i>

Từ đó, ta suy ra: *nấu ấy* → *nấu*, *chăng có* → *chăng*; *nhảm chầu* (âm Quảng Đông của từ Hán Việt âm từ “uống rượu”) → *nhậu*...

2.2. Lược âm

Từ ngữ ba, bốn âm tiết, tinh lược một số âm tiết, chỉ còn hai.

<i>cầu Xóm Kiệu</i> → <i>cầu Kiệu</i>	<i>nắm tai mèo</i> → <i>nắm mèo</i>
<i>sông Ông Đốc</i> → <i>sông Đốc</i>	<i>dòm giò ngó oi</i> → <i>dòm dò</i>
<i>dầu con rái</i> → <i>dầu rái</i>	<i>tươi như cá rói</i> → <i>tươi rói</i>
<i>để tang để tóc</i> → <i>tang tóc</i>	<i>bánh vú bò</i> [6] → <i>bánh bò</i>

Từ đó, ta loại suy: *bến Bà Dục* → *Bến Dục*; *ngay như cây chò* → *ngay chò*, *rạch Bà Kiến* [9] → *rạch Kiến* (Long An),...

* PGS.TS, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh.

2.3. Rụng âm

Trong tổ hợp phụ âm đầu, có hiện tượng rụng bớt một yếu tố.

2.3.1. Rụng âm trước

+ *drap* → *ra* (trái giường); *tlúc tlắc* (tk 17) → *lúc lắc*; *mnhâm* [15] → *nhâm*, *plàn* [15] → *làn* (sóng)...

2.3.2. Rụng âm sau

+ *crème* → *kem*; *frein* → *phanh*; *fromage* → *phó mát*.

Suy ra:

Knoc	→	cọc
	→	nọc

knep	→	kẹp
	→	nẹp

Knái	→	cái - gái
	→	nái - mái

2.4. Chệch âm

Do ngữ âm địa phương chi phối, nhiều từ ngữ hoặc địa danh không còn giữ nguyên hình thức vốn có. Thí dụ:

+ *vông* → *giông*; *loán choán* [6] → (*điêng*) *láng cháng*; *kiệt lực* → *cật lực*; *búc (tử)* → *bất (tử)*,...

+ *Mã Loạn* → *Mã Lạng*; *Hầu Vô* → *Hào Võ*; *Câu Lãnh* → *Cao Lãnh*.

Gò Vấp là tên quận ở thành phố Hồ Chí Minh. *Vấp* vốn là tên một loại cây của người Khmer: *kompáp*. Trên đường Trương Định, Quận 3, nay vẫn còn cây này. Do người địa phương Nam Bộ phát âm lẫn lộn hai vần *-ấp* và *-áp* nên *Gò Vấp* chuyển thành *Gò Vấp*.

2.5. Lây âm (contagion)

Âm cuối của âm tiết đầu do âm đầu của âm tiết sau lan sang.

+ *nê nếp* (*nê*: đồ dùng mà kê cho cao, cho đều, cho vững) → *nền nếp*; *nở nương* → *nõn nương*; *la plaque* (tấm, bàn) → *lập lắc*; *le plat* → *lập là*.

+ *mà cá* [15] → *mặc cá*.

2.6. Mượn âm

Một từ ở ngôn ngữ này muốn gia nhập một ngôn ngữ khác mà có âm na ná một từ của ngôn ngữ khác thì mượn âm của từ này để dễ được thông dụng hơn. Mượn âm theo các hình thức sau:

Mô hình	Thí dụ
A → AB	<i>bồ</i> (← <i>bầu</i>) - <i>bồ bịch</i> (nông cụ) → <i>bồ bịch</i> (người yêu)
B → AB	(<i>cái</i>) <i>bừa cào</i> - (<i>con</i>) <i>bồ cào</i> → (<i>cái</i>) <i>bồ cào</i>
A'B → AB	(<i>trái</i>) <i>đu-riêng</i> - (<i>nồi</i>) <i>sầu riêng</i> → (<i>trái</i>) <i>sầu riêng</i>
A'B' → AB	<i>soldat</i> (Pháp, lính) - (<i>cây</i>) <i>săng đá</i> → (<i>giày</i>) <i>săng đá</i>
B'C' → ABC	<i>one two three</i> - (<i>liền</i>) <i>tù tù</i> → <i>oản tù tù</i>
A'B'C' → ABC	<i>La Fontaine</i> - <i>Lã Phụng Tiên</i> (<i>Lữ Bố</i>) → <i>Lã Phụng Tiên</i>

2.6.1. Từ Việt

+ (*điệu*) *bộ* - *bộ tịch* ([11], *sổ bộ*, *hộ tịch*) → *bộ tịch* (bộ tịch kì cục).

+ (*cái*) *độc bình* - (*cây*) *lục bình* → (*cái*) *lục bình*.

Bồ bịch vốn là tên hai nông cụ. *Bồ* đựng lúa thì có đáy; còn *bịch* cũng đựng lúa nhưng là tấm vi khoanh tròn, lấy nền nhà làm đáy.

Ca dao miền Bắc có câu:

Bởi anh chăm việc canh nông

*Cho nên mới có **bồ** trong **bịch** ngoài.*

Trong tiếng Việt lại có một từ đơn *bồ*, là biến âm của *bầu* (*bạn*), đồng âm với *bồ* trong *bồ bịch*. Hai vần *-âu* và *-ô* có nhiều tiền lệ chuyển đổi: (thi) *đâu - đở, đậu (xanh) - đở, hầu (như) - (cơ) hồ, mậu (kì) - mô,...*

Thế là một từ *bồ bịch* thứ hai ra đời theo con đường sau đây:

- *bồ* (← *bầu bạn*) - *bồ bịch* (hai nông cụ) → *bồ bịch* (tình nhân).

- *Cổ Hũ* (dòng chảy eo lại như cổ của cái hũ/ lọ) - (món ăn) *tàu hủ* → (kinh) *Tàu Hủ* (Tp HCM).

2.6.2. Từ mượn

Những từ của ngôn ngữ khác khi gia nhập vào tiếng Việt gặp một từ tiếng Việt có ngữ âm tương tự thì khoác chiếc áo của từ tiếng Việt.

- Từ ngữ thông thường:

+ *dourian* (trái, Mã Lai) - (*nổi sầu riêng* → (*trái*) *sầu riêng*

+ *pulaw* (côn, đảo, Mã Lai) - *cù lao* (công lao khó nhọc của cha mẹ) → (*cái*) *cù lao*.

+ *saucisse* (dồi, Pháp) - (dây) *xúc xích* → (món ăn) *xúc xích*

+ *battre le pavé* (đi dạo phố, Pháp) - *bát phố* (một loại chén) → (đi) *bát phố*.

- Địa danh:

+ *Ksach* (cát, Khmer) - *kế sách* (phương kế, sách lược) → (huyện) *Kế Sách* (tỉnh Sóc Trăng).

+ *Kampot* (tỉnh, Campuchia) - (gàu) *cần vọt* → (tỉnh) *Cần Vọt*

+ *Hà Lan* là tên một đèo ở tỉnh Đắk Lắk. Đây là địa danh gốc Ê Đê Hlang, nghĩa là “cò tranh”. Vì âm của *Hlang* gần âm của *Hà Lan* nên người Việt đã dùng tên một quốc gia châu Âu để gọi tên đèo này.

Từ đó, chúng tôi suy ra các trường hợp tương tự:

· *Chư Chan* (núi) là địa danh gốc Chăm. *Chư* là từ chỉ núi của dân tộc khác (Ê đê, Gia rai) mà người Chăm đã vay mượn. Còn từ *Chan* thì chính người Chăm cũng chưa biết nghĩa. Nhưng *Chư Chan* và *chứa chan* của người Việt có âm na ná nên người Việt đã gọi hòn núi mà người Chăm gọi *Chư Chan* là *Chứa Chan* (Đồng Nai).

Người Pháp đặt tên cho một vịnh ở Bắc Bộ bằng tiếng Pháp là *Baie Toulon* (vịnh *Tu-lông*). *Toulon* vốn là thị xã của tỉnh Var, ở miền Nam nước Pháp. Người Việt vừa phiên vừa gán nghĩa cho vịnh này thành *Bái Tử Long*.

Theo Hoàng Văn Ma và Vũ Bá Hùng, thị trấn *Phố Bàng* của huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang có tên bằng tiếng Pu Péo là *Mobiêng*. *Phố bàng* là học vị tiến sĩ (loại vớt), được định thêm từ năm 1829. Về ngữ âm, hai từ *Phố bàng* và *Mobiêng* có âm na ná nên người địa phương lấy từ tiếng Việt có sẵn để phiên thay địa danh Pu Péo.

- Nhân danh:

+ *La Fontaine* (nhà thơ ngụ ngôn, Pháp) - *Lã Phụng Tiên* (tức Lữ Bố) → nhà thơ *Lã Phụng Tiên*.

+ *Rury* (kĩ sư Pháp sửa sang đèo này, được người Pháp dùng đặt tên cho đèo, theo VNTĐ) - *rù rì* (tên cây; nói nhỏ) → đèo *Rù Rì* (Nha Trang).

2.7. Biến âm

Nhiều trường hợp do ảnh hưởng của ngữ âm địa phương hoặc do viết sai chính tả, nhiều từ ngữ, trong đó có nhiều địa danh, đã bị sai lạc một cách kì lạ, khiến quần chúng không hiểu nếu không được các nhà nghiên cứu phát hiện các nguyên nhân gây ra.

2.7.1. Từ thông thường

Chẳng hạn, từ tổ *huyện đề* vốn là *quyên đề* [8a], chỉ những người thu gom các phiếu đánh đề, tức người tổ chức đánh số đề.

Ngày nay, chúng ta viết *giải thưởng*. Viết như thế là không đúng chính tả vì âm gốc của từ tổ này là *dài thưởng* vì huân chương nào cũng có một miếng vải nhỏ để đeo. Từ *dài* này bắt nguồn từ một từ Hán Việt *đái*. Trong [7] ghi *giọt dài* là “cướp giành phần thưởng”.

Trái nghĩa với *rẻ* là *mắc*. Viết *mắc* là sai với dạng gốc của từ này *mắt*. Từ điển cổ ghi *mắt*, như [7] ghi *bán mắt* (bán cao giá). *Mắt* là biến âm của *đắt*, nhưng vì từ *con mắt* quá quen thuộc với người Việt nên người ta (chủ yếu là dân các tỉnh phía Nam) sợ viết sai chính tả nên viết thành *mắc*.

Lai căng là cách viết quen thuộc của chúng ta. Đúng ra, ta phải viết *lai căn* vì nghĩa của từ này là “có pha tạp nhiều yếu tố ngoại lai sống sượng, trở nên lố lăng” [3].

Trả đũa là “chống trả lại một cách đích đáng cho hả nỗi tức giận” [3]. Nguyên dạng của cụm từ này là *trả nũa*, mà *nũa* là “oán giận, chống báng” [7]. Lê Ngọc Trụ khẳng định rằng *nũa* do từ Hán Việt *nộ* (giận) mà ra.

Có hai từ *bất tử* trong tiếng Việt Nam Bộ. Từ *bất tử* thứ nhất là từ toàn dân, từ Hán Việt, có nghĩa là “không chết”. Từ *bất tử* thứ hai có hai nghĩa: "1. Bạt mạng: *đồ bất tử, ăn nói bất tử*. 2. Bất ngờ, bất thành linh: *đòi nợ bất tử, ta không có tiền để trả*". Nguyên từ *bất tử* thứ hai bắt nguồn từ từ tổ *bức tử* (ép chết ngang), bị viết theo âm gốc là *bác tử*, rồi sai chính tả là *bất tử* và giải thích: mặc may, ước chừng; giả mạo, khinh suất [7].

2.7.2. Địa danh

Hào Vó (địa danh ở Cần Giờ, Tp HCM) là âm sai của *Hầu Vó*, chi đồng vò hầu ở nơi đây, sau khi đã lấy hết ruột, để chuẩn bị đưa vào Tắt Lò Vôi bên cạnh nung thành vôi.

Gành Hàu thường bị viết sai thành *Gành Hào*.

Hàng loạt địa danh ở Nam Bộ bị biến âm vì một thành tố bị viết và phát âm sai lạc từ xưa:

+ *Vòng* → *giồng*: *Giồng Trôm, Giồng Riềng, Giồng Ông Tố,...*

+ *Tắt* → *tắc*: *Tắc Ráng, Tắc Cậu, sông Tắc,...*

Ở Tp HCM có địa danh *Mã Lạn*. Truy tìm nguồn gốc địa danh mới biết tại vùng này có khu mỏ mà bị bỏ hoang, không ai chăm sóc, gọi là khu *mả loạn*. Người Sài Gòn thường bỏ vần tròn môi nên *loạn* thành *lạn* và không phân biệt hai thanh hỏi và ngã nên *mả* thành *mã*. Tương tự *mả loạn* là *giếng loạn, đĩa loạn*.

Vĩ Dạ là một địa danh ở thành phố Huế, rất quen thuộc đối với chúng ta. Nếu cho rằng đây là một từ tổ Hán Việt thì sẽ không giải nghĩa được. Thực ra đó là biến âm của *Vi Dã*, là từ tổ Hán Việt, nghĩa là “cánh đồng lau sậy”. Thực tế chung quanh thành phố này cho biết có nhiều cánh đồng lau sậy.

Ở tỉnh Đồng Tháp có thành phố *Cao Lãnh*. Nguồn gốc địa danh *Cao Lãnh* như sau: Ông Đỗ Công Tường có tên thường gọi là *Lãnh*, làm chức *Câu đương* (chuyên giải quyết những xích mích trong làng) nên người địa phương thường gọi tắt là ông *Câu Lãnh*. Ông có xây một cái chợ và là người nhân đức nên cái chợ được gọi là chợ *Câu Lãnh*. Tên *Câu Lãnh* đã bị nói chệch thành *Cao Lãnh* theo hiện tượng biến đổi ngữ âm sau đây: *bào (cử) - bầu (cử), tâu (ruộng) - tạo, (cô) đầu - đào (hát),...*

Các nhà nghiên cứu ngữ âm lịch sử tiếng Việt đã cung cấp cho chúng ta hai bảng biến âm phụ âm đầu và vần sau đây:

- Phụ âm đầu

b → v	<i>bồn</i> → <i>vốn</i> ; <i>bái</i> → <i>vái</i>	b → ph	<i>buồng</i> → <i>phòng</i> ; <i>buông</i> → <i>phóng</i>
ch → tr	<i>chém</i> → <i>trám</i> ; <i>chuyện</i> → <i>truyện</i>	đ → tr	<i>đĩa</i> → <i>trì</i> ; <i>đục</i> → <i>trọc</i>
đ → d	<i>đình</i> → <i>dình</i> ; <i>đao</i> → <i>dao</i>	hw → v	<i>họa</i> → <i>vẽ</i> ; <i>hoàng</i> → <i>vàng</i>
k → g	<i>cận</i> → <i>gản</i> ; <i>cắm</i> → <i>gắm</i>	m → v	<i>múa</i> → <i>vũ</i> ; <i>mùa</i> → <i>vụ</i>
s → t	<i>sàng</i> → <i>tàng (sáng)</i> ; <i>sái</i> → <i>tươi</i>	s → th	<i>sư</i> → <i>thầy</i> ; <i>sự</i> → <i>thờ</i>
đ → n	<i>độc</i> → <i>nọc</i>	b → m	<i>bàn</i> → <i>mâm</i> ,
k → gi	<i>cối</i> → <i>giải</i> ; <i>cẩn</i> → <i>gian</i> ; <i>keo</i> → <i>giao</i>		

- Vần

e → a	<i>xe</i> → <i>xa</i> , <i>hè</i> → <i>hạ</i> , <i>hẹn</i> → <i>hạ</i>	ua → u	<i>chúa</i> → <i>chủ</i> , <i>múa</i> → <i>vũ</i>
ia → i	<i>chia</i> → <i>chi</i> , <i>bia</i> → <i>bi</i> , <i>bìa</i> → <i>bì</i>	ưa → ư	<i>lừa</i> → <i>lư</i> , <i>thừa</i> → <i>thứ</i> , <i>cựa</i> → <i>cự</i>
uô → u, o	<i>chuông</i> → <i>chung</i> , <i>buông</i> → <i>phóng</i>	iê → uô	<i>liên liên</i> → <i>luôn luôn</i>
oc → ac	<i>góc</i> → <i>giác</i> , <i>bóc (lột)</i> → <i>bác</i> , <i>cóc</i> → <i>giác</i>	ơ → i	<i>thơ</i> → <i>thi</i> , <i>cờ</i> → <i>kỳ</i> , <i>ngờ</i> → <i>nghi</i>
ơ, ô → a	<i>đời</i> → <i>đại</i> , <i>đổi mới</i> → <i>đại mại</i>	ây → i	<i>thây</i> → <i>thi</i> , <i>quây</i> → <i>quỹ</i> , <i>vây</i> → <i>vi</i>
ô → o	<i>khố</i> → <i>kho</i> , <i>độc</i> → <i>đọc</i> , <i>khốc</i> → <i>khóc</i>	oc → oi	<i>sóc trán</i> → <i>sói trán</i> , <i>hóc</i> → <i>hói</i>

2.8. Âm tiết hóa

Một phụ âm biến thành một âm tiết

+ *Crème* → *cà rem*; (*núi*) *B'rah* “thần linh” → *Bà Rá*; (*Turk*) *Khmâu* “nước đen” → *Cà Mau*; *kran* → *cà ràng*; *Franc* → *phật lãng*.

Căn cứ vào hiện tượng âm tiết hóa này và một vài hiện tượng khác, ta có thể giải quyết nguồn gốc của địa danh *Bà Rịa*. Thuyết thứ nhất cho rằng *Bà Rịa* là bà Nguyễn Thị Rịa, quê ở Bình Định, là người có công khai khẩn vùng đất này và trước khi qua đời đã hiến tặng địa phương vài trăm mẫu ruộng. Do đó chính quyền địa phương đã lấy tên bà làm địa danh nơi bà từng sinh sống.

Thật ra, khá nhiều phụ âm, vần hoặc âm tiết biến thành âm tiết *bà*. Chẳng hạn, ngoài *B* biến thành *Bà* (như *Bà Rá*), *Bàu* cũng biến thành *Bà* (*Bàu Môn* → *Bà Môn*; *Bàu Hói* → *Bà Hói*,...), *Bờ* → *Bà* (*Bờ Bãng* → *Bà Bãng*, *Bờ Đập* → *Bà Đập*,...), *Ko* → *Bà* (*Koki* → *Bà Kì*) [10a, 161]; *Pah* → *Bà* (*Lipah* → *Là Bà*) [10a, 141],... Do đó, giả thuyết cho rằng do *Po Ryiak* (“thần sóng biển”, [10a] chuyển thành *Bà Rịa* rất đáng chấp nhận.

2.9. Rút gọn âm tiết

Khi tiếp nhận tiếng nước ngoài, để dễ thuộc và dễ nhớ, người Việt thường rút gọn một vài âm tiết đầu của các từ đa tiết. Xin nêu một số thí dụ trong từ Việt gốc Pháp:

2.9.1. Rút gọn các âm tiết đầu:

<i>alcool</i> (rượu) → <i>côn</i>	<i>citerne</i> → <i>téc</i>
<i>pourboire</i> → <i>boa</i>	<i>origine</i> → <i>gin</i> (đồ)

2.9.2. Rút gọn các âm tiết sau:

<i>kilogramme</i> → <i>kí lô</i>	<i>cinématographie</i> → <i>xi nê</i>
<i>dollar</i> → <i>đô</i>	<i>pédéraste</i> (Pháp, người đồng tính) → <i>pê đê</i>
<i>streptomycine</i> → <i>xì tép</i>	

Từ hiện tượng này, ta thấy ý kiến của Dương Văn An trong *Ô châu cận lục* cho rằng tên sông *Hương* là do tên huyện *Hương Trà* (cũng là tên cũ sông *Hương Trà*) nói rút gọn lại là có sức thuyết phục.

Cũng vậy, từ tổ *chủ xỉ* có thể có nguồn gốc như sau: tên cây thảo phục linh dùng để chế tạo nước xá xỉ (tên trong tiếng Pháp là *salsepreille*) người Việt thường nói rút gọn thành *xá xỉ*. Dung tích của chai đựng nước xá xỉ là 1/4 lít. Vì vậy, người ta quen nói *một xỉ rượu*, tức *1/4 lít rượu*. Và *chủ xỉ* là "người chủ mua rượu cho người ta uống". Sau đó, từ tổ *chủ xỉ* chỉ "người bao việc chi tiền cho mọi người ăn uống".

2.10. Chuyển đổi ngữ âm

Các âm vị tiếng Việt ở cùng một vị trí cấu âm và cùng độ mở thường có quan hệ và chuyển đổi cho nhau.

2.10.1. Quan hệ và chuyển đổi giữa các âm đầu:

Tiếng Việt có 22 âm đầu, được phân loại như sau:

Môi	Đầu lưỡi		Mặt lưỡi	Gốc lưỡi	Hầu
	Bẹt	Quặt			
	<i>th</i>				
	<i>t</i>	<i>tr</i>	<i>ch</i>	<i>k (c, q)</i>	
<i>b</i>	<i>đ</i>				?
<i>m</i>	<i>n</i>		<i>nh</i>	<i>ng</i>	
<i>ph</i>	<i>x</i>	<i>s</i>		<i>kh</i>	<i>h</i>
<i>v</i>	<i>d, gi</i>	<i>r</i>		<i>g (gh)</i>	
	<i>l</i>				

Quan hệ và chuyển đổi giữa các phụ âm đầu này như sau:

1) Các phụ âm cùng vị trí cấu âm chuyển đổi với nhau:

a) Phụ âm môi đổi với phụ âm môi

+ b - m: *bỏ (côi) - mỡ; buồn - muôn; bệu bạo - mếu máo; bùn - mùn;...*

+ v - b: *vốn - (tu) bốn; vách - bích; savon - xà bông;...*

+ m - v: *muôn - vạn; mùa - vụ; mời - vời; móng - (câu) vồng;...*

b) Phụ âm đầu lưỡi đổi với phụ âm đầu lưỡi

+ x - x: *xe - xa; xông (lên) - (xung phong); xăn - xấn (quân);...*

+ th - x: *thanh - xanh; thường - xoàng; (ân) xá - tha;...*

+ đ - tr: *đĩa - trì; (giúp) đỡ - (tuong) trợ; đục - (ô) trọc;...*

+ đ - n: *đệm - nệm; độc - nọc; đổi - (đến) nổi; (êm) đềm - nềm (Chinh phụ ngâm - CPN); đau - nau...*

c) Phụ âm mặt lưỡi đổi với phụ âm mặt lưỡi

+ ch - nh: *chành (cây) - nhành; chánh (cây) - nhánh;...*

d) Phụ âm gốc lưỡi đổi với phụ âm gốc lưỡi

+ k - g: *cắm - gắm; cặn - gặn; kể (mẫu) - (mẹ) ghé; gamelle - cà mèn;...*

+ kh - g: *khương - gừng; kha (Thanh Hóa) - gà; khảo (Mường) - gạo; khày (đòn) - gáy; khăn - gấn;...*

2) Các phụ âm gần vị trí cấu âm cũng chuyển đổi với nhau

a) Phụ âm môi đổi với phụ âm đầu lưỡi

+ v - th: *ví (dụ) - thí; va - tha (nhân); vé - (sắc) thái;...*

+ m - l: *mờ - lờ; (thôn) lạc - (làng) mạc; mần - làm; (tái) mét - lét; méch - lếch;...*

b) Phụ âm đầu lưỡi đổi với phụ âm mặt lưỡi

+ ch - tr: *chém - trám; chuyên - truyên; ché - trà; chay - trai;...*

+ ch - gi: *chi - gi; chùng - giống; chừ - giờ; chính (nguyệt) - (tháng) giêng;...*

+ t-ch: *tự - chữ; tự - chùa; tế (độ) - che (chở);...*

c) Phụ âm đầu lưỡi đổi với phụ âm gốc lưỡi

+ k - gi: *keo* - (*a*) *giao*; *kén* - (*tin*) *giản*; *cãng* - *giãng*; (*tam*) *cuơng* - (*ba*) *giềng*; (*mặc*) *cả* - (*trá*) *giá*;...

+ kh - th: *khạp* - *thạp*; *khảm* - *thảm*;...

d) Phụ âm gốc lưỡi đổi với phụ âm thanh hầu

+ kh - h: *khí* - *hơi*; *không* - *hông*; *khiếm* - *hiếm*;...

+ ng - h: *ngưi* - *hưi*; *hông* - *ngông*; *hộ* - *ngõ*;...

+ ? - k: *ấu* (*tà*) - *cấu* (*thà*); *Anđók* (Khmer, con rùa) - *Cần Đước*;...

2.10.2. Quan hệ và chuyển đổi giữa các âm chính

Tiếng Việt có 16 âm chính được phân loại như sau:

Độ mở	Vị trí	Hàng trước	Hàng giữa	Hàng sau (tròn môi)
Hẹp		<i>i</i> (<i>y</i>)	<i>ư</i>	<i>u</i>
Hơi hẹp		<i>iê</i>	<i>ươ</i>	<i>uô</i>
Hơi rộng		<i>ê</i>	<i>ơ/â</i>	<i>ô</i>
Rộng		<i>e</i> (<i>e</i>)	<i>a/ã</i>	<i>oo/o</i>

Quan hệ và chuyển đổi giữa các nguyên âm này như sau:

1) Các nguyên âm cùng vị trí chuyển đổi với nhau

a) Nguyên âm trước đổi với nguyên âm trước

+ i - ê: *bịnh* - *bệnh*; *lịnh* - *lệnh*; *minh mông* - *mênh mông*; *kình càng* - *kênh càng*;...

+ i - e: *lí* - *lễ*; *mí* - *mé*; *kí* - *ké*; *thinh* - *thanh*; *sinh* - *sanh*;...

b) Nguyên âm giữa đổi với nguyên âm giữa

+ ư - ơ: *thư* - *thơ*; *gửi* - *gởi*; *lừ đừ* - *lờ đờ*;...

+ ơ - â: *chơ* - *chân*; *ơn* - *ân*; *hờn* - *hận*;...

+ a - ơ: *san* - *son*; *đàn* - *đờn*; (*phụ*) *tá* - *tớ*;...

+ ă - â: *cấp* - *cập* (*bến*); *lấp* (*láy*) - *lấp*; *chặn* - *chận*; *ngần* - *ngản*; *Gò Vấp* - *Gò Vấp*; *gắm* (*ghé*) - *gắm* (*ghé*);...

c) Nguyên âm sau đổi với nguyên âm sau

+ u - o: *thụ* - *thọ*; *vũ* - *vở*; *trú* - *trọ*; *trung* - *trong*;...

+ u - ô: *bồ* (*nhìn*) - *bù*; *chùng* - *giống*; *xung* (*phong*) - *xông* (*lên*); *Hùng* (*Ngự*) - *Hông* (*Ngự*);...

2) Các nguyên âm cùng độ mở chuyển đổi với nhau

a) Nguyên âm hẹp đổi với nguyên âm hẹp

+ i - ư: *thí* (*nghiệm*) - *thử*; *đình* - *dùng*; (*quá*) *trình* - *chùng*;...

+ u - ơ: *lù đù* - *lừ đừ*; *lù khù* - *lừ khừ*;...

Nguyên âm hẹp đi song đôi với nguyên âm hẹp

+ u - i: *rù rì*, *tùm tím*, *múp míp*, *rung rinh*, *rúc rích*, *ùn in*, *cút kít*;...

b) Nguyên âm hơi hẹp đôi với nguyên âm hơi hẹp

+ iê - ươ: *kiếm - guom; kiếng - guông; cương - giêng;...*

+ iê - uô: *liên (tiếp) - luôn; phiền - buồn; nhiễm - nhuộm, nhuộm;...*

c) Nguyên âm hơi rộng đôi với nguyên âm hơi rộng

+ ô - ơ: *cỡ - đợ; (sự) cớ - cớ; thốt - chọt;...*

+ ơ - â: *chơ - chân; hờn - hận; ơn - ân;...*

Nguyên âm rộng đi song đôi với nguyên âm rộng

+ ô - ê: *ngô nghê, hôn hên, ngông nghênh, xốc xếch;...*

d) Nguyên âm rộng đôi với nguyên âm rộng

+ a - ă: (*đại*) *bàng - bằng; hàng (ngày) - hằng; đàng (kia) - đàng; khàng khái - khăng khái; xa xác [15] - xa xác;...*

+ a - e: *xa - xe; pháp - phép; hạ - hè; ma - mè; đăm - đem;...*

Nguyên âm rộng đi song đôi với nguyên âm rộng:

+ o - e: *cò kè, cọt két, mon men, mong manh, long lánh;...*

Ngoài ra, từ một số từ có ngữ âm chuyển đổi với nhau, ta suy ra trường hợp tương tự. Trong tiếng Việt, các từ sau đây có quan hệ chuyển đổi ngữ âm: *thi - thơ; nghi - ngờ; kì - cờ* nên chắc chắn ta có các cặp tương tự: *tri tri - tro tro*.

Từ các cặp từ có quan hệ chuyển đổi -i và -iê (*kính - kiếng; trì - đũa;...*), ta suy ra *nghi* (*A cũu là cậu có nghi - Chi nam ngọc âm Nhân luân*, tr. 92) là biến âm của *ngĩa*.

2.10.3. Quan hệ và chuyển đổi giữa các âm cuối

1) Các âm cuối vô thanh dễ chuyển đổi với nhau

a) ch - c: *xích - thước; bích - biếc; bạch, bệch - bạc; dịch - việc; tích - tiếc; chích - chiếc; tích - thiếc;...*

b) p - t: *phấp phới - phát phới; sáp (nhập) - sát (nhập); hấp (thụ) - hút; (con) rệp - rết, tít...*

c) t - c: *chút - chóc; (ống) thụt - (cái) thộc [15]; cụt - cộc; một - móc (Mường); gáp (rút) - rúc; bột (phát) - bộc;...*

2) Các âm cuối hữu thanh dễ chuyển đổi với nhau

a) nh - ng: *cảnh - (chậu) kiếng; mảnh - miếng; kính - kiếng, gương, thành - thiếng, chính (nguyệt) - giêng; linh - thiêng; trình - chiêng; đình - đưng; kính - kiêng (nê);...*

b) m - n: *năm - niên; xóm - thôn; giảm - tiễn;...*

3) Các âm cuối vô thanh thường chuyển thành âm cuối hữu thanh

a) p → m: *ấp ấp - ăm ắp, rập rập - rằm rập, bịp bịp - bìm bịp, tấp tấp - tằm tấp, (nói) lấp - (cà) lăm;...*

b) t → n: *vút vút - vun vút, thất thoát - thoãn thoắt, sát sát - san sát, vụt vụt - vùn vụt;...*

c) ch → nh: *chéch chéch - chênh chéch, thịch thịch - thình thịch, bịch bịch - bình bịch,...*

d) ng → c: *éc éc - eng éc, vặc vặc - vằng vặc, biếc biếc - biêng biếc, chững chạc - chững chàng, mạc - màng, ngấc (đầu) - ngàng,...*

4) Bán âm cuối /y/ thường chuyển đổi với n, ng

a) y - n: *chui - chun; (nát) bẩy - bán; dùi - dìn (dặng); (ngấn) ngùi - ngùn;...*

b) y - ng: *hãy (hay) - hẵng; lối (rày) - lống; mãi (vui) - mẵng; môi - muẵng;...*

5) Âm cuối zéro

a) Âm cuối zero - một phụ âm cuối

+ *bá (súng) - bắng; chà - chắng; mạ - mắng; đả - đắnh; (búi) tóc - tắc; bí (tát) - bít; bá - bắch; chi - chín; nở - nắn (nuờng);...*

b) Âm cuối zero - một bán âm

+ *(ăn) lờ [15] - lờ; su [15] - sui (gia); (của) mã - (nhà) mắi; cá - cá; ma - mắi;...*

2.10.4. Quan hệ và chuyển đổi giữa các thanh điệu

Các thanh điệu cùng hệ thường dễ chuyển đổi với nhau:

1) Hệ bổng (ngang - sắc - hỏi)

a) hỏi - hỏi: *báo - biểu, báo (vật) - bừu, gửi - gỏi, người - húi, cảnh - kiểng, ngắng - ngừng, (khi) để - (khinh) rế, (vận) tài - chở, (sở) ruộng - thừa, tổ - ổ, mảnh - miểng, dòm - ròm,...*

b) ngang - hỏi: *cán - cắ; quắng - quắng; con con - cón con; mông manh - mông mắnh; vênh - vắnh (ráu); (đen) thui - thúi, (đen) đúi; dưng - dừng (dưng); tan - tắn (cư).*

c) sắc - hỏi: *lén - lắ; há - hắ; thoắng (qua) - thoắng; gắm - cắ; ghề - kắ; kắ (mẫu) - (mẹ) ghề; (sai) khiể - (điều) khiể; miểng - miểng, mắnh; hiể, háo - háo;...*

Từ hiện tượng chuyển đổi giữa các âm vị như đã trình bày, ta có thể vận dụng để truy nguyên nguồn gốc một số địa danh.

Vùng Xuyên Mộc ngày nay trong *Monographie de ghi* là *Xuong Mộc*. *Xuong Mộc* vốn là tên cây, sau bị đọc chệch thành *Xuyên Mộc*. *Vần -uong/ uon* có nhiều tiền lệ chuyển đổi với *vần -iên/ iêng*: *xuong (xáo) - tiên (thảo), (con) lươn - thiện, gương - kiểng, (tam) cương - (ba) giềng,...*

Nhìn chung có hai xu hướng chuyển đổi ngữ âm là đồng hóa và dị hóa.

* Đồng hóa

Đồng hóa là hiện tượng hai âm tố khác nhau nhưng đứng gần nhau, âm tố này làm cho âm tố kia giống với nó. Đồng hóa diễn ra ở cả ba thành tố của âm tiết tiếng Việt.

- Âm đầu

<i>ngươi hoai</i>	→ <i>ngươi ngoai</i>	<i>vòng do</i> [7]	→ <i>vòng vo</i>
<i>rũ liệt</i>	→ <i>rũ riệt</i>	<i>tập thành</i> [2]	→ <i>tập tành</i>
<i>khẩn hứa</i>	→ <i>khẩn khứa</i>	<i>ngắn chùn</i>	→ <i>ngắn ngùn</i>
<i>khách thừa (thứ)</i>	→ <i>khách khứa</i>	<i>cửa quậy</i>	→ <i>cửa cậy</i> [3]
<i>đại thể</i>	→ <i>đại để</i>	<i>héo don</i> [7]	→ <i>héo hon</i>
<i>đãi buôi (bôi)</i>	→ <i>bãi buôi</i> [11]		

Từ hiện tượng này, ta hoàn toàn có thể suy ra các trường hợp tương tự:

<i>phanh phui</i>	← <i>phanh khui</i>	<i>nhỏ nhất</i>	← <i>nhỏ vật</i>
<i>phình phờ</i>	← <i>phình vờ</i>	<i>đây điệm</i>	← <i>đây liệm</i>
<i>hăm he</i>	← <i>hăm đê</i>	<i>dư dà</i>	← <i>dư già</i>
<i>tê tinh</i> [17]	← <i>tê chinh</i>	<i>đối dá</i> [9]	← <i>đối trá</i>
<i>ngọng nghịu</i>	← <i>ngọng lịu</i>	<i>nhỏ nhen</i>	← <i>nhỏ hèn</i>
<i>chỉ chó</i>	← <i>chỉ trở</i>	<i>mắc mớ</i>	← <i>mắc có</i>
<i>phung phí</i>	← <i>vung phí</i>	<i>lỡ làng</i>	← <i>lỡ dàng</i> (CPN b. B, c.4)
<i>vá vuiu</i>	← <i>vá khuiu</i>	<i>nhấn nhụi</i>	← <i>nhấn trụi</i>
<i>phong phanh</i>	← <i>phong thanh</i> (nghe)	<i>thanh thao</i> [9]	← <i>thanh tao</i>
<i>bạch biến</i>	← <i>bạch điến</i>	<i>gượng ghe</i>	← <i>gượng nhẹ</i> [17]
<i>đồ đồng</i>	← <i>bổ đồng</i>	<i>trong trèo</i>	← <i>trong leo</i> (chèo)
<i>phoi phóng</i>	← <i>phoi hóng</i> (hong)	<i>nhỏ nhít</i>	← <i>nhỏ ít/ nít</i>

Từ hiện tượng đồng hóa âm đầu này, ta suy ra nguồn gốc của *tôi* trong *tìm tôi*. Trong từ điển của Génibrel có ghi từ *đòi* và dịch là *chercher* (“tìm”). Có thể tìm lấy nghĩa với *đòi* thành *tìm đòi*, rồi đồng hóa âm đầu thành *tìm tôi*.

Trong bài thơ 27 của Nguyễn Trãi có câu:

Chen xúc làm chi cho nhọc nhằn

Từ *chen xúc* bị đồng hóa âm đầu thành *chen chúc*.

Thời trước, nhiều từ điển ghi địa danh chi thành phố Hội An ngày nay là *Faifo* và cho biết âm gốc của địa danh này là *Hoài Phố*. *Hoài Phố* có nghĩa là “phố ở sông Hoài”. Sông Hoài chính là sông Thu Bồn, một con sông lớn của tỉnh Quảng Nam. Ở đây có hiện tượng đồng hóa: *ph* của *Phố* đồng hóa *h* của *Hoài* thành *Faifo* và âm đệm [w] của *Hoài* biến mất vì trong tiếng Việt, âm môi - răng [f] không kết hợp với âm đệm tròn môi [w].

Trong từ điển cổ có dạng cổ của một số từ, giúp ta suy ra dạng hiện đại có thể là do hiện tượng đồng hóa:

<i>cớ trêu</i> [7]	→ <i>trớ trêu</i>	<i>chăn sóc</i> [7]	→ <i>săn sóc</i>
<i>trong chẻo</i> [7]	→ <i>trong trèo</i>	<i>phỉ báng</i>	→ <i>bỉ báng</i> (Xin đừng <i>bỉ báng</i> mẹ già không nên) [18]

- Vần

<i>y nguyên</i> → <i>y nguy</i>	<i>ngoan ngỗ</i> [15] → <i>ngoan ngoãn</i>
<i>bách kích pháo</i> → <i>bích kích pháo</i>	<i>tan hoang</i> → <i>tang hoang</i>
<i>cà dái dê</i> → <i>cà dế dê</i>	<i>cây so đũa</i> → <i>cây sua đũa,...</i>

Ta suy ra:

<i>chào mào</i> ← <i>chốc mào</i>	<i>xăng tăng</i> ← <i>chantage</i>
<i>túy lúy</i> ← <i>túy lý</i>	<i>Côn Lôn</i> ← <i>Cổ Lôn</i> [16]

- Thanh điệu

<i>câu kết</i> → <i>cấu kết</i>	<i>phản ánh</i> → <i>phản ảnh</i>
<i>tự vẫn</i> → <i>tự vận</i>	<i>hoàng mang</i> [2] → <i>hoang mang</i>
<i>nước miếng</i> → <i>nước miếng</i>	<i>trủ tri</i> [2] → <i>trủ trì</i>
<i>khăng khít</i> → <i>khẩng khít</i>	<i>so đọ</i> → <i>so đo</i>

Tương tự, ta có thể suy ra:

<i>lào đảo</i> ← <i>lạo đảo</i>	<i>lông mi</i> ← <i>lông mí</i>
<i>so đo</i> ← <i>so đọ</i>	<i>cũn cõn</i> ← <i>cùn cõn</i> (cùn: váy ngắn)
<i>nói mớ</i> ← <i>nói mơ</i>	

Trong *Thiên Nam ngữ lục* (câu 1.880) có từ tổ *bỏ cóc*, nghĩa là “con cóc”. Ngoài ra, nhiều từ tổ chỉ động vật mang từ *bỏ* như *bỏ câu*, *bỏ nông*, *bỏ chao*,... Vậy *bỏ* có nghĩa là “con”. Mặt khác, trong [15] có cụm từ *bỏ nhìn*, mà *nhìn* là dạng cổ của *nhân* (“người”), vậy *bỏ nhìn* là “con người”. Và *bỏ nhìn* là dạng đồng hóa thanh điệu của *bỏ nhìn*.

Từ hiện tượng đồng hóa thanh điệu này, ta truy tìm được dạng gốc của một số địa danh.

Ở tỉnh Quảng Ngãi có bến đò nằm gần kho *Tạm Thương* (“kho tạm”) nên mang tên bến *Tạm Thương*. Ngày nay, *thương* đã đồng hóa *tạm* thành *Tam Thương*.

Ở gần tỉnh Điện Biên có đèo *Phạ Đin*. *Phạ Đin* là cụm từ trong tiếng Tày - Nùng, có nghĩa là “trời đất”. Do bị đồng hóa, *Phạ Đin* thành *Pha Đin*.

Trong đồng hóa thanh điệu, có cả đồng hóa theo hệ bổng trầm:

Bổng + trầm → trầm + trầm: *sắc sỡ* [15] → *sặc sỡ*

Bổng + trầm → bổng + bổng: *sững sốt* → *sùng sốt*; *viễn vông* → *viển vông*;

hót hời → *hót hải*.

- Vần và thanh điệu

ẽ oái → *uẻ oái*.

* Dị hóa

Dị hóa là hiện tượng hai âm tố giống nhau nhưng đứng gần nhau, âm tố này làm cho âm tố kia khác với nó. Hiện tượng này cũng tác động ở cả ba thành tố âm đầu, vần và thanh điệu.

- Âm đầu

+ Âm đầu tiếng trước

b	<i>ngùi ngùi</i> → <i>bùi ngùi</i>
	<i>rời rời</i> → <i>bời rời</i>
l	<i>quanh quanh</i> → <i>loanh quanh</i>
	<i>quần quần</i> → <i>lần quần</i>
th	<i>máy máy</i> → <i>tháy máy</i>
	<i>lôi lôi</i> → <i>thời lôi</i>
ch	<i>vờn vờn</i> → <i>chờn vờn</i>
	<i>vớ vớ</i> → <i>chớ vớ</i>
t	<i>mờ mờ</i> → <i>tờ mờ</i>
	<i>mù mù</i> → <i>tù mù,...</i>

Trong thơ Nguyễn Trãi xuất hiện các từ *khuâng khuâng, thê thê*:

+ *Hầu nên khôn lại tiếc **khuâng khuâng*** (bài 199)

+ *Cửa quyền biếng mặc áo **thê thê*** (bài 109).

Như vậy, *bâng khuâng, lê thê* có dạng gốc là *khuâng khuâng, thê thê*.

Từ hiện tượng dị hóa, ta suy ra những trường hợp tương tự.

Trong [15], có từ *lần lần* và từ dị hóa *thần lần* và cùng chi con *thần lần*.

Trong tiếng Việt hiện đại, từ *thần lần* có hai nghĩa: 1. Con rắn mối (miền Bắc). 2. Thạch sùng (miền Nam). Hai vần *-ân* và *-ăn* thường có quan hệ chuyển đổi nên *thần lần* chỉ là dạng hiện đại của *thần lần*.

+ Âm đầu tiếng sau

r:	<i>bịn rịn, kêu rêu, co ro, lác rác,...</i>
l:	<i>qua loa, khóc lóc, kẻ lẻ,...</i>
đ:	<i>lác đác, lổ đổ, êm đềm, ôm đồm,...</i>

+ Từ hiện tượng dị hóa này, ta suy ra *bịn rịn* cũng ở trong trường hợp tương tự vì *bịn* vốn có nghĩa “buộc vào; máng dây mà chịu” [6]. *Bịn* và *bện* có lẽ chỉ là biến âm của nhau.

- Vần

<i>ấp ấp</i> → <i>ăm ắp</i>	<i>vặc vặc</i> → <i>vằng vặc</i>
<i>bịp bịp</i> [1] → <i>bìm bịp</i>	<i>biếc biếc</i> → <i>biêng biếc</i>
<i>vút vút</i> → <i>vun vút</i>	<i>chéch chéch</i> → <i>chênh chéch</i>
<i>thoắt thoắt</i> → <i>thoăn thoắt</i>	<i>thịch thịch</i> → <i>thình thịch</i>

Trong các từ tổ song tiết, một số có hai tiếng có vần tròn môi thì một tiếng bị dị hóa để dễ phát âm: *Bàu Hói* → *Bà Hói*; *Bàu Môn* → *Bà Môn*; *Bàu Hom* → *Bà Hom*; *Bàu Quẹo* → *Bà Quẹo*

Ở đây có năm trường hợp chúng tôi nghĩ cũng nên xem là dị hoá vần.

Từ láy *phấp phới* được cấu tạo theo dạng "X 'ấp' + XY", như *mấp mô, ngấp ngừng,...*, nhưng đã bị dị hoá thành *phất phới*. Có lẽ vì từ *phấp phới*

có âm tiết trước tận cùng bằng phụ âm môi, vô thanh *p* đứng cạnh phụ âm tắc, môi, vô thanh *ph* của âm tiết sau nên cần dị hoá để dễ phát âm. Tại đây, ta có thể đặt câu hỏi: tại sao từ láy *phập phồng* lại không bị dị hoá thành *phật phồng*? Chúng ta có thể giải thích: trong từ *phập phồng* có hai âm chính khác hàng *á* và *ô* nên không cần dị hoá, còn *pháp phối* có hai âm chính cùng hàng, cùng loại, chỉ khác nhau ở trường độ ngắn - dài nên cần dị hoá.

Còn tại sao từ ghép *sáp nhập* lại bị dị hoá thành *sát nhập*? Có lẽ trong từ *sáp nhập* cả hai âm tiết đều tận cùng bằng phụ âm tắc, môi *p* lại có hai âm chính cùng hàng *a* và *á* nên cần dị hoá.

Tiếp theo là từ tổ *bít tất*. *Bít tất* vốn có nghĩa là “che kín đầu gối”, đồng nghĩa với từ tổ *bít chân* [15]. Vì *bít* tận cùng bằng *t* và *tất* khởi đầu cũng bằng *t* nên *bít tất* đã bị dị hoá thành *bí tất*.

Tương tự, *nam mô* bị dị hoá thành *na mô*.

Sau cùng là từ tổ *cốt trầu*. *Cốt* tận cùng bằng *t* và *trầu* khởi đầu bằng *tr*. *T* và *tr* đều là phụ âm đầu lưỡi nên *cốt trầu* đã bị dị hoá thành *cỏ trầu*.

- Thanh điệu

<i>nhỏ nhỏ</i> → <i>nhỏ nhỏ</i>	<i>lặng lặng</i> → <i>lặng lặng</i>
<i>nhẹ nhẹ</i> → <i>nhè nhẹ</i>	<i>Trào Trào</i> → <i>Trao Trào (rạch)</i>

2.11. Chơi chữ

2.11.1. Nói lái

Bật mí → *bí mật*;

Trên trời rớt xuống mà lại mau co (mơ cau).

Nguyễn Y Vân - vẫn y nguyên; Vũ Như Cẩn - vẫn như cũ.

2.11.2. Mô phỏng

<i>cổ lỗ sĩ</i> ← <i>văn sĩ, lực sĩ</i>	<i>quái từ</i> ← <i>quý từ, công từ</i>
<i>thực sĩ</i> ← <i>nhạc sĩ, thi sĩ</i>	<i>quái xế</i> ← <i>tài xế</i>

2.11.3. Dịch nghĩa + nói lái

Mộc tồn → *cây còn* → *con cây*.

2.12. Kiêng cử

2.12.1. Kiêng húy

Kiêng húy là tránh không được nói đến tên, danh hiệu của các bậc trường thượng như vua chúa, ông bà, thầy giáo,... theo quy định ngày xưa.

Các họ sau đây có sự khác biệt giữa miền Bắc và miền Nam vì tục kiêng húy:

Miền Bắc	Kiêng húy	Miền Nam
<i>Chu</i>	chúa Nguyễn Phúc Chu	<i>Châu</i>
<i>Hoàng</i>	chúa Nguyễn Hoàng	<i>Huỳnh</i>
<i>Vũ</i>	chúa Vũ Vương	<i>Võ</i>

Trong cuốn *Chữ húy Việt Nam qua các triều đại*, Ngô Đức Thọ có liệt kê 531 từ kiêng húy.

Khi gặp các từ kiêng húy, ta phải nói chệch hoặc viết bớt nét. Các từ kiêng húy phổ biến nhất là những từ sau đây:

Tên kiêng húy	Họ tên nhân vật kiêng húy	Từ bị nói chệch, tránh
<i>Nghĩa</i>	<i>Nghĩa Vương</i> (chúa Nguyễn Phúc Thái)	<i>Ngãi</i>
<i>Phúc</i>	<i>Nguyễn Phúc Ánh</i> (vua Gia Long)	<i>Phước</i>
<i>Cảnh</i>	<i>Hoàng tử Nguyễn Phúc Cảnh</i>	<i>Kiểm</i>
<i>Hoa</i>	<i>Hồ Thị Hoa</i> (mẹ vua Thiệu Trị)	<i>Huê, Ba, Bông</i>
<i>Tông</i>	<i>Miên Tông</i> (vua Thiệu Trị)	<i>Tôn</i>
<i>Hàng</i>	<i>Phạm Thị Hằng</i> (mẹ vua Tự Đức)	<i>Thường</i> (Nga)
<i>Thì</i>	<i>Nguyễn Phúc Thì</i> (vua Tự Đức)	<i>Thời</i>

2.12.2. Đồng âm với từ tục

Những từ đồng âm với từ tục, người ta thường nói chệch đi hoặc không sử dụng, lâu ngày biến thành từ cổ.

Dái ngại → *ái ngại*; *dái* → *nhái* (khôn cho người ta dái/ nhái, dại cho người ta thương, dờ dờ ương ương, chỉ tỏ cho người ta ghét). *Dái*: sợ. *Kính dái*: sợ một cách tôn kính.

Ghe phen “nhiều phen”- *ghe* (âm vật).

2.13. In sai, viết sai

Một số địa danh bị ảnh hưởng của các ngôn ngữ Âu Tây nên bị sai lạc, không còn đúng nguyên dạng của tiếng Việt.

Địa danh *Cồn Ngao* ở Bến Tre bị ghi sai lạc thành *Cung Hầu*; địa danh *Trần Di* biến thành *Trần Đề/ Tranh Đề*. Ngày nay, *Trần Đề* trở thành tên một huyện của tỉnh Sóc Trăng.

Địa danh *Chí Hòa* ở Sài Gòn bị người Pháp ghi sai thành (đường) *Ký Hòa*, (hồ) *Kỳ Hòa* vì phụ âm *h* trong tiếng Pháp có nhiều trường hợp câm, nên *h* không đọc và biến *c* thành *k*. Tên thôn *Mỹ Lai* ở Quảng Ngãi (nơi diễn ra cuộc thảm sát 508 người dân vô tội của quân viễn chinh Mỹ năm 1968) bị báo chí Mỹ bỏ dấu thành *My Lai* và bị báo chí Sài Gòn đoán sai là *Mỹ Lai*.

Ca dao địa phương vùng này có câu:

Bao giờ bạch mã qua sông

Thì làng Mỹ Lai mới không công hầu.

2.14. Hán Việt hóa

Nhiều địa danh thuần Việt hoặc Việt cổ bị Hán Việt hóa nên ngữ âm sai lạc hẳn, khiến người đời sau, nếu không nghiên cứu, sẽ hiểu lầm.

Chèm → *Từ Liêm*; *Giống* → *Phù Đổng*; *Đồng Nai* → *Nông Nại*; *Sài Gòn* → *Sài Côn*.

2.15. Việt hóa

Nhiều địa danh gốc Pháp bị Việt hóa nên chúng ta quên âm gốc của địa danh. Chẳng hạn, *Baie Toulon*, người Việt mô phỏng ngữ âm thành *Bái Tử Long*. *Toulon* vốn là thị xã của tỉnh Var (phía nam nước Pháp), được đem đặt cho một vịnh ở Bắc Bộ.

2.16. Tây hóa

Tiếng Pháp có hệ thống ngữ âm khác tiếng Việt: không có dấu phụ trên các con chữ, không có thanh điệu, có phụ âm *h* câm,... Do đó khi đọc và viết tiếng Việt, nhất là địa danh, sẽ bị sai lạc.

Đất Hộ (nay là công viên Lê Văn Tám) là khu đất công thuộc một hộ ở Sài Gòn, bị người Pháp đọc và viết chệch thành *Đa Kao* (nay là tên phường ở quận 1, thành phố Hồ Chí Minh).

Sông *Lôi Giang* (nghĩa là “sấm sét đánh xuống”) bị bỏ dấu trong các văn bản, bản đồ thành *Lôi Giang*.

Thạnh Đa là vùng đất ở quận Bình Thạnh (Tp HCM) bị bỏ dấu nên thành *Thanh Đa*.

Làng Cò là “làng có nhiều cò về đậu” bị bỏ dấu thanh thành *Lãng Cò*.

Thành phố *Vinh* vốn có tên cũ là trấn *Vĩnh Doanh*, sau nói rút gọn và bỏ dấu nên thành tên hiện nay.

2.17. Hiện đại hóa các từ ngữ khó hiểu

Trong tiếng Hoa, có từ tổ *chu tối*, nghĩa là “giáp năm”. Người Việt nói chệch thành *tôi tôi* (*cúng tôi tôi, ăn tôi tôi*). Nhưng người Việt nghe từ tổ *tôi* cũng không hiểu nghĩa là gì nên đọc chệch thành *thôi nôi* (nghĩa là “thời năm nôi”), dễ hiểu hơn. Nhiều người nghe, thấy có lí, thế là từ tổ này trở thành thông dụng.

Ở miền Nam, có tên cây *sầu đâu*, miền Bắc gọi là *xoan*. *Sầu đâu* là từ tiếp thu của người Khmer - *sodau*. Nhưng nhiều người không hiểu điều đó và thấy về mùa đông cây này khô héo, lá rụng nhiều nên nói chệch thành *sầu đông*. Nhiều người thấy có lí nên chấp nhận sử dụng.

Hát bội là một từ tổ đồng nghĩa với hát tuồng. Nhưng *bội* là gì thì mỗi người giải thích một kiểu, chưa thật thuyết phục. Chúng tôi có bài viết trên *Kiến thức ngày nay* (số 158, 1-12-1994, tr. 44-46), muốn trình bày lại ý kiến ở đây. *Bội* là “nhà làm giả vì mê tín dành cho người chết” [15]. Còn trong *Việt Nam tự điển* của *Hội Khai trí tiến đức* ghi rằng *bội* là điệu hát buồn dành cho người chết. Mục đích hát là để tưởng niệm người chết nên *hát bội* thiên về buồn thảm và *hát bội* đối lập với hát chèo, một loại hình thiên về trào lộng. Vì không hiểu nghĩa ban đầu của *bội* nên một số người nói chệch thành *hát bộ* và hiểu là kiểu hát ra bộ cho dễ hiểu. Thế là nhiều người sử dụng cả hai từ tổ.

3. Tóm lại, những hiện tượng mang tính quy luật này về ngữ âm giúp ích rất nhiều nếu ta sử dụng tốt. Do đó, đây là một công cụ đắc lực mà nghiên cứu từ nguyên không thể bỏ qua.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Béhaine, P. P. de, *Tự vị An Nam-Latinh* (Dictionarium Anamitico-Latinum, 1772-1773), Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên dịch và giới thiệu, Nxb Trẻ, Tp HCM, 1999.

2. Đào Duy Anh, *Hán Việt từ điển*, Sài Gòn, Nxb Trường thi, 1957.

1. Béhaine, P. P. de, *Tự vị An Nam-Latinh* (Dictionarium Anamitico-Latinum, 1772-1773), Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên dịch và giới thiệu, Nxb Trẻ, Tp HCM, 1999.
2. Đào Duy Anh, *Hán Việt từ điển*, Sài Gòn, Nxb Trường thi, 1957.
3. Hoàng Phê (cb), *Từ điển tiếng Việt*, Đà Nẵng, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, 2000.
4. Hoàng Văn Ma, *Về địa danh vùng Tây Nùng*, Trong *Những vấn đề ngôn ngữ học*, Viện Ngôn ngữ học, H., 2002.
5. Hoàng Văn Ma, Vũ Bá Hùng, *Tiếng Pu Péo*, Nxb KHXH, H., 1992.
6. Hồ Lê, *Từ Nam Á trong tiếng Việt*, Trong *Tiếng Việt và các ngôn ngữ dân tộc phía Nam*, Nxb KHXH, H., 1992.
7. Huỳnh Tịnh Của, *Đại Nam quốc âm tự vị*, Sài Gòn, 1895-1896.
8. Lê Ngọc Trụ,
 - a. *Việt ngữ chánh tả tự vị*, Thanh tân, Sài Gòn, 1960.
 - b. *Tầm nguyên tự điển Việt Nam*, Nxb Tp Hồ Chí Minh, 1993.
9. Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb KHXH, H., 1977.
10. Lê Trung Hoa,
 - a. *Địa danh học Việt Nam*, Nxb KHXH, H., 2006.
 - b. *Từ điển từ nguyên địa danh Việt Nam*, Nxb VHNT, H., 2013.
11. Lê Văn Đức, *Tự điển Việt Nam*, Khai trí, Sài Gòn, 1970.
12. Ngô Đức Thọ, *Chữ hủi Việt Nam qua các triều đại*, Nxb Văn hóa, H., 1997.
13. Nguyễn Ngọc San, *Tìm hiểu tiếng Việt lịch sử*, Nxb ĐHSP, H., 2003.
14. Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện, *Từ điển từ Việt cổ*, Nxb VHNT, H., 2001.
15. Rhodes, A. de, *Từ điển Annam-Lusitan-Latinh* (Thanh Lăng, Đỗ Quang Chính, Hoàng Xuân Việt dịch), Nxb KHXH, H., 1991.
16. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Nguyễn Tạo dịch, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, 1972; Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tinh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb GD, H., 1998.
17. Văn Tân (cb), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb KHXH, H., 1967.
18. Vương Lộc, *Từ điển từ cổ*, Nxb Đà Nẵng, 2001.
19. Vương Toàn, *Từ gốc Pháp trong tiếng Việt*, Nxb KHXH, H., 1992.